

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2021
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986

Địa chỉ: khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Thái A, sinh năm 1985

Địa chỉ: khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có lời khai trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Phạm Thái A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận số 112, quyền 01/2004 ngày 05/10/2012. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sinh sống tại thành phố B, cuộc sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung. Đến năm 2018 giữa hai

bên thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên va chạm cãi vã nhau, từ những mâu thuẫn không mà hai bên không tự hòa hòa giải được nên ông Thái A thường bỏ nhà đi và tình cảm phai nhạt theo năm tháng, nhiều lần bà T cố gắng hàn gắn nhưng không thành, hiện cả hai sống ly thân không quan tâm đến nhau, ông A không cùng nuôi dạy con cái. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A.

Về con chung: Bà T và ông A có 02 con chung tên Phạm Anh H, sinh ngày 01/7/2005 và Phạm Thị Anh T, sinh ngày 19/9/2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con, nay giải quyết ly hôn bà đề nghị được tiếp tục nuôi con đến khi trưởng thành, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Thái A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập ông Nguyễn Thái A đến tòa làm việc, thông báo phiên hòa giải công khai chứng cứ và yêu cầu phía bị đơn cung cấp ý kiến, chứng cứ nhưng ông A đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay ông A vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B cho rằng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào kết quả xác minh thì bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Bà T và ông A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại phường P, thành phố B nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ

chồng có khoảng thời gian chung chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung, nhưng khoảng thời gian sau này giữa các bên thường xảy ra mâu thuẫn xung đột. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn vợ chồng là có thật thể hiện rõ ở việc vợ chồng không cùng nhau chung sống để nuôi dạy con cái mà sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng vun đắp gia đình theo mục đích tốt đẹp của hôn nhân. Khi giải quyết vụ án ông A không hợp tác, không cung cấp ý kiến chứng cứ là thể hiện việc không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ; ý kiến của bà T tại hồ sơ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt.

Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà T ông A có 02 con chung như đã trình bày, khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi cả hai con là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc thực tế. Vì vậy chấp nhận giao các con cho bà T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông A.

Về con chung: Giao hai cháu Phạm Anh H, sinh ngày 01/7/2005 và Phạm Thị Anh T, sinh ngày 19/9/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Thái A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông A có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002946 ngày 12/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường P;
- (Số 112, Quyển 01/2004);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

